

# SỰ HÌNH THÀNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CHÍNH SÁCH DÂN TỘC Ở MALAYSIA THỜI KỲ 1957 - 1970

VÕ THỊ THU NGUYỆT

*Khoa Đông Phương học - Trường ĐH KHXH&NV*

Sự đa dạng về tôn giáo, sắc tộc cùng với sự đan xen của các hình thái kinh tế - xã hội ở Liên bang Malaixia đã tạo nên tính nhạy cảm trong quan hệ dân tộc và chính sách xây dựng bản sắc quốc gia - dân tộc. Những mâu thuẫn sắc tộc và chủ nghĩa dân tộc có nguồn gốc lịch sử của nó. Sự xuất hiện ngày càng đông và vai trò ngày càng lớn của người Hoa và người Ấn trong những năm đầu thế kỷ XX đã khơi dậy chủ nghĩa dân tộc của người Malayu bản địa. Thêm vào đó, chính sách “chia để trị” của thực dân Anh, sau này là phát xít Nhật cũng tạo thêm sự ngăn cách tộc người giữa các cộng đồng sắc tộc tại đất nước này.

Để dễ bề cai trị, thực dân Anh sau khi thiết lập quyền kiểm soát của mình trên toàn bộ đất của người Malayu, cho phép các Sultan duy trì các quyền lực cai trị đối với người dân trong nước, cho dù phần lớn các hoạt động này đã được kiểm soát. Không những thế họ còn dành một số đặc quyền cho người Malayu bản địa, trong khi đó các cộng đồng người nhập cư khác như người Hoa, người Ấn không được hưởng. Vào cuối thời thuộc địa Anh, dưới chiêu bài chống cộng sản, thực dân lại càng tăng cường hơn nữa chính sách chia rẽ dân tộc, dồn người Hoa sống thành từng “làng mới”, có hàng rào dây thép bao quanh và có cảnh sát, quân đội bảo vệ (26, 59-60).

Dưới thời Nhật chiếm đóng (1942-1945), chủ nghĩa dân tộc trong giới người Hoa ở Malaixia tăng lên rất nhanh. Giống như thực dân Anh, phát xít Nhật thực hiện chính sách chia để trị, đối xử tốt hơn với người Malayu, dùng người Malayu đàn áp người Hoa... Thêm vào đó lực lượng chống cộng sản và chủ nghĩa dân tộc cực đoan lợi dụng sự

kiện Nhật đầu hàng đồng minh vào năm 1945 và sự ra đời của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa vào năm 1949 để thổi bùng mâu thuẫn sắc tộc giữa người Hoa và người Malayu.

Có thể nói rằng, vào thời điểm Malaixia giành được độc lập (1957), có một bộ phận rất đông đảo trong cộng đồng người Hoa không muốn hoà nhập vào xã hội người bản địa và xây dựng một nhà nước quốc gia đa dân tộc thống nhất. Đại đa số học sinh, sinh viên người Hoa học trong các trường Hoa ngữ và một vài trường Anh ngữ, không muốn học tiếng Malayu. Các sách giáo khoa sử dụng dạy ở các trường Hoa chủ yếu xuất bản ở Thượng Hải hay Đài Bắc. Học sinh người Hoa được học nhuần nhuyễn các môn như văn học, lịch sử và địa lý Trung Hoa (32, 24-25).

Sau khi giành được độc lập (từ sau 1957), Chính phủ Liên bang Malayu (từ 1963 đổi là Malaixia) đứng trước hàng loạt thách thức về kinh tế cũng như chính trị và xã hội. Trong khi chế độ thuộc địa để lại với một nền kinh tế quá độ, phát triển què quặt, lạc hậu và phụ thuộc, thì hậu quả chính trị - xã hội là những mâu thuẫn gay gắt về sắc tộc và bất bình đẳng phân phối thu nhập.

**Bảng 1: Mục tiêu phân phối lại lao động theo các ngành kinh tế**  
(Tỷ lệ %)

Ngành kinh tế	1970			1990		
	Người Mã Lai	Người Hoa	Người Ấn	Người Mã Lai	Người Hoa	Người Ấn
Nông nghiệp	67,6	21,4	10,1	61,4	28,3	9,6
Công nghiệp, xây dựng dịch vụ công cộng, giao thông	30,8	59,5	9,2	51,9	38,1	9,6
Bán buôn, bán lẻ, ngân hàng, hành chính, giáo dục, y tế, quốc phòng	37,9	48,3	12,6	48,4	39,0	11,7
Tổng số	51,4	37,0	10,7	53,6	53,3	10,4

*Nguồn: Jomo K. S. Malaysian New Economic Policy, Asian Pacific Economic Time, No. 4, pp. 50-51.*

Trước hết về khía cạnh kinh tế - xã hội, thì tư bản nước ngoài, đặc biệt là tư bản Anh vẫn còn tiếp tục nắm giữ những lĩnh vực kinh tế then

chốt như khai thác hầm mỏ, chế tác và một số lượng lớn kinh tế đồn điền. Người Hoa tiếp tục chi phối lĩnh vực trao đổi từ buôn bán, thương mại đến lĩnh vực ngân hàng tài chính. 80% dân số cả nước là người Malayu và người Ấn. Trong khi đó thì cơ cấu kinh tế mất cân đối. Nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong GDP; công nghiệp lạc hậu, phân tán, lại phân bố không đồng đều giữa các vùng miền. Để khắc phục tình trạng này, sau 1957, Chính phủ Malayu tập trung tháo gỡ sự kiểm soát của tư bản nước ngoài bằng cách nâng đỡ tư bản người bản địa Malayu bằng các “quyền đặc biệt”. Điều này được khẳng định trong Hiến pháp 1957. Cố gắng đầu tiên là Chính phủ chủ trương kết nạp các nhà doanh nghiệp người Malayu vào hàng ngũ của Đảng UMNO, lựa chọn những người bản địa vào các vị trí then chốt của nền kinh tế (3, 65-69).

Về khía cạnh chính trị - xã hội, nhất là các mâu thuẫn về sắc tộc, tôn giáo ở những năm đầu ngay sau khi giành được độc lập, tình hình chính trị có phần được cải thiện. Các đảng phái chính trị, từ UMNO cho đến MCA và MIC, tuy có khác nhau về đường lối đấu tranh và mang nặng dấu ấn văn hoá và chính trị tộc người, nhưng cùng chia sẻ quyền lợi chung là phấn đấu cho một Malaya độc lập và thịnh vượng. Còn lực lượng đối lập, trong đó có Đảng Cộng sản (chủ yếu là người Hoa, theo lập trường của Bắc Kinh) thì ngày càng yếu thế trong đời sống chính trị của nước này, ngày càng bị cô lập kể cả ở thành thị lẫn nông thôn. Mỗi đảng phái chính trị trên đại diện cho từng cộng đồng sắc tộc đều có những chỗ mạnh, điểm yếu riêng. Ví dụ, UMNO có thế mạnh là có chỗ dựa về dân số, là đại diện đông đảo cho người Malayu bản địa, có uy tín chính trị sâu rộng ở nông thôn và trong tín đồ Hồi giáo; còn MCA lại có thế mạnh về kinh tế, được sự ủng hộ đông đảo của cộng đồng doanh nghiệp người Hoa và hậu thuẫn của Chính phủ Trung Hoa dân quốc tại Đài Loan. Các tổ chức, đảng phái chính trị này đều cố gắng tránh không làm cho mâu thuẫn giữa các cộng đồng thêm căng thẳng. Đường lối thực tế và sự hợp tác của 3 lực lượng chính trị trên đã mang lại bầu không khí tương đối hoà bình và cởi mở cho Liên Bang Malaixia ngay từ ngày đầu độc lập.

Những nỗ lực mới về sự hoà giải mâu thuẫn trong lòng xã hội Malaya cũng như chủ nghĩa dân tộc Malayu được phản ánh khá rõ nét trong Hiến pháp Malaya năm 1957 và Hiến pháp sửa đổi năm 1963. Các Hiến pháp trên công bố Hồi giáo là quốc giáo, và tiếng Malayu là



ngôn ngữ quốc gia. Tuy vậy, các ngôn ngữ khác cũng được phép sử dụng trong đời sống, từ việc giao tiếp, giảng dạy và nghiên cứu. Hiến pháp năm 1957 còn quy định trong vòng 10 năm sau khi tuyên bố độc lập hoặc lâu hơn nếu như Quốc hội không quy định khác đi, tiếng Anh có thể được sử dụng ở hai viện của Quốc Hội, ở các Hội đồng lập pháp các Bang và cho các mục đích chính thức khác.

Hiến pháp cũng có những quy định mới về quyền công dân. Theo nay định mới: Ngoài những người có quyền công dân của Liên bang, tất cả những ai sinh ra ở Liên bang sau ngày độc lập đều là công dân của Liên bang Malaya. Hiến pháp cũng quy định các quyền dân chủ và tự do cá nhân, tự do ngôn luận, hội họp và tín ngưỡng, không phân biệt đảng phái hay nguồn gốc dân tộc.

Đáng lưu ý là những đặc quyền của người Malayu được quy định trong các Hiến pháp trên như được ưu tiên hơn trong việc sử dụng đất đai, làm việc trong các cơ quan Nhà nước, trong giáo dục, đào tạo, trong việc cấp giấy phép kinh doanh v.v... (26, 69-70)

Xét về chính sách của các đảng phái chính trị, trước hết là UMNO trong Đảng Liên minh (Alliance Party) cầm quyền, thì những người theo chủ nghĩa dân tộc phái ôn hoà mà đại biểu của nó là UMNO cũng không có chủ trương gây bất đồng hay mâu thuẫn với các nhóm sắc tộc không phải là bản địa. Tuy coi Hồi giáo là "lẽ sống" (Modus Vivendi), nhưng UMNO không đầu tư nhiều hay quan tâm xây dựng các cơ sở kinh tế - xã hội cho tôn giáo này. Chính phủ mà hạt nhân là các đảng viên UMNO đã giành quan tâm nhiều hơn đến xoá đói, giảm nghèo, tập trung phát triển nông nghiệp và nông thôn không chỉ đối với người Melayu mà còn cả với người ấn và người Hoa (27, 66-67). Trong khi một số nước và vùng lãnh thổ khác như ở miền Nam Việt Nam, Indônexia trong cùng thời gian đó (những năm 50 - 60) đề ra nhiều chính sách hạn chế đối với các tư bản nước ngoài khác thì tại Malaixia hầu như không diễn ra quá trình này. Hay nói một cách khác, UMNO và Liên minh cầm quyền trong thập niên đầu điều hành đất nước không chủ trương chia sẻ quyền lợi kinh tế của các nhóm tộc người.

Xét theo tính chất lãnh đạo của Nhà nước, thì thời kỳ đầu 1957 - 1970 là giai đoạn ít có sự can thiệp trực tiếp của Chính phủ vào các hoạt động kinh doanh sinh lời cũng như các sinh hoạt dân sinh khác. Nhà nước lúc đó đảm nhiệm chức năng thông thường như lãnh đạo

mang tính vĩ mô thông qua các kế hoạch và tuân thủ pháp luật. Khi ấy Chính phủ chủ yếu hỗ trợ phát triển hạ tầng xã hội và kỹ thuật để tạo thuận lợi hơn cho thành phần kinh tế tư nhân phát triển. Tunku Abdul Rahman, Thủ tướng đầu tiên của Malaixia thấy được vai trò cấp bách của Nhà nước và ông cho rằng, Nhà nước phải đóng vai trò là người bảo hộ cho những bước tiến không can thiệp và khuyến khích các chính sách hợp tác chính trị lâu dài giữa UMNO, MCA và MIC.

Bước tiến không can thiệp trên mặc dù bước đầu đã mang lại sự phục hồi và tăng trưởng kinh tế (như tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm 60 bình quân tăng trên 5%; riêng công nghiệp tăng trên 10%, đất nước đã tự túc được nguồn lương thực, không phải nhập gạo từ bên ngoài (3, 69-75), nhưng không thể giải quyết vấn đề lịch sử “tiến thoái lưỡng nan” của người Malayu, mà trên thực tế làm cho người Malayu thấy bất ổn và thua kém hơn các cộng đồng dân nhập cư khác. Tình trạng đói nghèo và bất bình đẳng xã hội giữa các tộc người không hề được cải thiện. Để hiểu thêm tình trạng bất bình đẳng trong phân phối thu nhập và địa vị xã hội của các nhóm tộc người ở Malaixia trong khoảng thời gian 1957 - 1970 có số liệu thống kê sau:

**Bảng 2: Phân phối thu nhập hộ gia đình ở bán đảo Malaixia (1957-1970)**

Tỉ lệ thu nhập	Tổng gia đình			Hộ Mã Lai			Hộ Hoa kiều			Hộ Ấn Độ		
	1967	1967	1970	1967	1967	1970	1967	1967	1970	1967	1967	1970
1- 5% thu nhập cao nhất	28.1	23.6	28.1	18.1	22.2	23.8	19.2	19.9	25.4	19.4	22.3	28.4
2- 20% thu nhập cao nhất	48.6	51.3	55.9	42.5	48.2	51.3	46.0	46.7	42.3	43.6	48.1	53.6
3- 40% thu nhập trung bình	35.5	34.4	32.5	37.9	34.8	35.7	35.9	36.3	33.5	36.6	35.6	31.5
4- 40% thu nhập thấp nhất	15.9	14.3	11.6	19.6	17.0	13.0	18.1	17.0	14.2	19.8	16.3	14.9
Thu nhập bình quân (RM)	215	140	164	140	163	172	302	449	381	243	260	301
Hệ số Gini	0.41	0.44	0.513	0.34	0.40	0.46	0.38	0.39	0.46	0.37	0.40	-

*Nguồn: Đào Lê Minh-Trần Lan Hương, Kinh tế Malaixia, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội 2001, tr.76-77.*

Trong thời kỳ 1957 - 1970 mặc dầu thu nhập bình quân các hộ ở Malaixia có tăng lên, nhưng mức tăng của người Hoa là nhanh nhất và mức tăng của người Malayu là chậm nhất. Nếu như năm 1957, thu nhập bình quân hộ gia đình của người Malayu là 193 RM/tháng, của hộ



người Hoa là 300 RM/tháng và của người Ấn là 131 RM/tháng thì con số đó vào năm 1970 tương ứng là 172, 394 và 304. Tỷ lệ thất nghiệp trong cộng đồng người Malayu cũng ở mức cao nhất trong các nhóm tộc người ở đất nước này. Nếu như tỷ lệ thất nghiệp của Malaixia năm 1960 là 6% thì đến năm 1970 tăng lên 8%, trong số đó tập trung ở nhóm cộng đồng người Malayu. Vào cuối những năm 60, tỷ lệ hộ đói nghèo trong cộng đồng người Malayu chiếm tới gần 56%, người Ấn Độ gần 20%, trong khi đó người Hoa chỉ chiếm có khoảng 13% (11, 39-40).

Tình trạng yếu kém của người Malayu được biểu hiện rõ nét qua các hoạt động kinh tế, đặc biệt trong hệ thống thương mại và dịch vụ. Ví dụ như vào năm 1970, người Hoa kiểm soát tới 85% công việc bán lẻ và 65% các hoạt động xuất nhập khẩu. Trong lĩnh vực chế tác và khai thác mỏ người Hoa cũng chiếm vị trí nổi trội về cả vốn lẫn hình thức sở hữu so với người bản địa. Trong tổng số vốn cổ phần 5.329,2 triệu RM ở bán đảo Malaya, người Malayu chỉ chiếm 2,4%, trong khi đó người Hoa chiếm 34,4% và tư bản nước ngoài chiếm tới 63,3%. Cụ thể hơn về vấn đề này (xem bảng 2).

**Bảng 3: Sở hữu các tài sản cố định của các ngành công nghiệp chế tác, khai thác mỏ và xây dựng ở miền Tây Malaixia năm 1970**

(Triệu đôla Malaixia và %)

Dân tộc - Quốc tịch	Hình thức hoạt động công ty cổ phần hợp tác		Hoạt động cá thể	
	Triệu M đôla	%	Triệu M đôla	%
Công dân Malaixia:				
Người Mã Lai	11,2	0,9	3,9	2,3
Người Hoa	142,3	26,2	158,0	92,2
Người Ấn Độ	1,5	0,2	3,9	2,3
Các dân tộc khác	187,2	14,3	1,4	0,8
Chính phủ	17,5	1,3		
Tổng cộng	559,7	42,8	167,2	97,6
Người ngoại quốc	147,3	57,2	4,1	2,4
Tổng cộng	1.307,0	100	171,3	100
Tỷ lệ trên tổng số		87,4		12,6

*Nguồn: Trần Khánh. Vai trò người Hoa trong nền kinh tế các nước Đông Nam Á. Nxb. Đà Nẵng, 1992, tr.204.*

Cùng với sự chênh lệch trong thu nhập và việc làm, tham vọng về quyền lực chính trị và khác biệt về văn hoá giữa người Malayu và các nhóm cộng đồng dân nhập cư khác cũng làm tăng thêm mâu thuẫn sắc tộc ở quốc gia này. Việc Xingapo tách ra khỏi Liên bang Malaixia, tuyên bố độc lập vào năm 1965 không những không làm dịu tình hình căng thẳng chính trị tại Malaixia. Các đảng phái chính trị trong Đảng Liên minh trở nên có nhiều bất đồng trong nhiều vấn đề then chốt, trong đó có chính sách ngôn ngữ. Phải theo chủ nghĩa dân tộc trong UMNO đòi áp dụng tiếng Malayu là ngôn ngữ duy nhất. Một phần của đòi hỏi này được thể hiện trong Luật về ngôn ngữ quốc gia mà Quốc hội Liên bang đã thông qua vào tháng 3/1967. Trong luật mới này, tiếng Malayu được khẳng định là quốc ngữ, nhưng không phải là ngôn ngữ duy nhất. Tiếng Anh được sử dụng như một ngôn ngữ chính thức trong nhiều trường hợp, đặc biệt trong thương mại và ngoại giao. Còn tiếng Hoa và Tamil vẫn được phép lưu hành, tuy không phải là ngôn ngữ chính thức. Điều này không những gây ra sự phản ứng tiêu cực trong một bộ phận lớn người Malayu, mà còn cả trong giới người Hoa và người Ấn.

Hơn thế nữa, đảng đối lập PAS còn lên án là UMNO đã thoả hiệp với MCA và MIC, bán rẻ lợi ích của người bản địa. Trong bối cảnh đấu tranh chính trị sôi động, nhiều đảng phái mới ra đời, trong đó có Đảng Hành động Dân chủ (DAP), một bộ phận được tách ra từ Đảng Nhân dân hành động của Xingapo (thành lập năm 1966). Đảng này đại diện cho giới trí thức, tiểu chủ và dân cư đô thị của người Hoa, chủ trương xây dựng một xã hội đa nguyên, một Nhà nước pháp quyền, không phân biệt đối xử trong mọi hoạt động. Họ yêu cầu phải có một Hiến pháp mới, trong đó khẳng định quyền bình đẳng giữa các dân tộc và mọi người dân. Những mâu thuẫn trên trở nên bùng phát sau sự thất bại lớn của Đảng Liên minh trong cuộc bầu cử Quốc hội Liên bang ngày 11 tháng 5 năm 1969. Đảng Phong trào Nhân dân và Đảng Hành động Nhân dân thắng lợi đã tổ chức tuần hành, biểu dương lực lượng. Trong khi đó các phần tử bất mãn trong giới lãnh đạo UMNO kêu gọi người Malayu đứng lên chống đối, tẩy chay kết quả bầu cử. Kết quả đưa đến ầu đả đẫm máu. Ngày 17/5/1969 Chính phủ Malaixia ban bố tình trạng khẩn cấp. Tuy vậy tình hình căng thẳng kéo dài mãi tới tháng 8 năm 1969 (11, 33 - 34). Cuộc khủng hoảng chính trị này được

thủ tướng đầu tiên của Malaixia Tunku Abdul Rahman Haji Putra mệnh danh là “thời kỳ đen tối nhất trong lịch sử dân tộc”.

Sau biến cố lịch sử này Chính phủ Malaixia đã nhận thức ra rằng, chính sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế cũng như chênh lệch về phân phối thu nhập giữa các cộng đồng dân tộc và xã hội là cội nguồn của mâu thuẫn xã hội, làm bùng nổ xung đột sắc tộc tại quốc gia này. Muốn giải quyết tận gốc các mâu thuẫn trên thì nhất thiết phải xây dựng một đường lối phát triển kinh tế hướng tới việc thực hiện công bằng xã hội, để mọi người dân, đặc biệt là người nghèo cùng được hưởng những thành quả của sự phát triển mang lại. Muốn thực hiện được chính sách trên, trước hết phải có sự ổn định và thống nhất quốc gia. Phải xây dựng một ý thức hệ quốc gia - dân tộc dựa trên lợi ích chung của tất cả các nhóm cộng đồng. Đây là lý do chính cho sự ra đời của tuyên bố Rukunegara (31/8/1970) và nền tảng tư tưởng của chính sách Kinh tế mới (NEP) được đưa ra thực hiện trong những năm 1970 - 1990.

### Tài liệu tham khảo

1. Phạm Thị Vinh, *Hồi giáo và chủ nghĩa dân tộc ở Malaysia*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 4-1997.
2. Trần Khánh, *Nhà nước và sự hình thành bản sắc quốc gia dân tộc Singapo*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 3-1991.
3. Abdul Razak Baginda, *Malaysia in Transition: Politics and Society*, London, ASEAN, ACADEMIC Press, 2003.
4. Abdul Rahman, *Social Transformation, the State and Middle Classes in Post Independence Malaysia*, KL 1996.